

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 31-8- 2022  
Về việc ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Sái Đức Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Hợi; Bà Vũ Thị Ngọc Phan.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tạ Xuân Trà-Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên:** Ông Lưu Nguyên Vũ-Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST-DS, ngày 17/8/2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị B, sinh năm 1972

Địa chỉ: Xóm M, xã U, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

Bị đơn: Anh Dương Văn L, sinh năm 1968

Địa chỉ: Xóm M, xã U, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt lần thứ 02 không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân:

- *Nguyên đơn chị Dương Thị B trình bày:* Chị và anh Dương Văn L có tìm hiểu nhau một thời gian ngắn và tự nguyện đến với nhau và chung sống như vợ

chồng từ năm 1989, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, chị nghĩ rằng được sự đồng ý của hai gia đình đã tổ chức đón dâu rồi là được, nên đã không đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Đến nay, giữa chị và anh L vẫn không đi đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, tình cảm vợ chồng hạnh phúc đến năm 1992. Sau đó, được gia đình cho ra ở riêng để làm ăn phát triển kinh tế. Đến năm 2004 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do làm ăn kinh tế, vợ chồng không có quan điểm chung, về lối sống không hợp nhau, dẫn đến thường xuyên cãi nhau, anh L có những lời nói xúc phạm đến danh dự của chị, anh L còn đuổi chị đi khỏi nhà. Kể từ đó đến nay vợ chồng chị sống ly thân mỗi người một nhà, không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đời sống hôn nhân không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Dương Văn L.

Về con chung: Có 02 con là Dương Văn Q, sinh năm 1991 và Dương Thị Q, sinh năm 1996. Hiện nay các con đã trên 18 tuổi, tôi không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Tôi đề nghị để vợ chồng thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

- *Bị đơn anh Dương Văn L trình bày:* Tôi và chị Dương Thị B tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến năm 2002, chị B đi vào tỉnh Bình Dương, sau đó đến TP.Hồ Chí Minh và tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, tôi có gặp chị B làm đậu cùng các cháu tại đó. Đến tháng 11/2002, em trai tôi (là Dương Văn H) sinh cháu thì tôi trở về nhà, cùng năm đó chị B cũng về quê, nhưng chị B không về chung sống với tôi mà về nhà bố mẹ đẻ ở. Chị B làm đơn ly hôn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 02 con là Dương Văn Q, sinh năm 1991 và Dương Thị Q, sinh năm 1996. Hiện nay các con đã trên 18 tuổi, tôi không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu gì. Về nợ chung: Không có.

- *Tại phiên tòa hôm nay:* Nguyên đơn chị Dương Thị B vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn với anh Dương Văn L và không yêu cầu giải quyết quan hệ gì khác.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Về phía nguyên đơn chị B chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của

mình theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS; Bị đơn anh L không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS.

- *Về việc giải quyết nội dung vụ án:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị B và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Bằng, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Dương Thị B và anh Dương Văn L.

*Về con chung:* Chị Dương Thị B và anh Dương Văn L có hai con đã từ đủ 18 tuổi trở lên, các bên không có yêu cầu gì nên không đề nghị xem xét.

*Về tài sản chung:* Chị B và anh L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: Không có.

*Về án phí:* Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho các đương sự về thời gian để tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn tình cảm, đoàn tụ gia đình. Nhưng nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm giải về quyết ly hôn theo pháp luật. Vì vậy, Tòa án phải quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về ly hôn, do chị Dương Thị B có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Dương Văn L có địa chỉ: Xóm M, xã U, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Bị đơn anh L vắng mặt tại phiên tòa và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh L là phù hợp.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh Dương Văn L có quen biết tìm hiểu nhau và chung sống như vợ chồng từ năm 1989, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo pháp luật. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị B, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại các biên bản hòa giải, anh L đồng ý giải quyết ly hôn theo pháp luật. Tuy nhiên, chị B và anh L sống chung như vợ chồng từ năm 1989, đến nay vẫn không đăng ký kết hôn là hôn nhân không hợp pháp, không được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là trái với quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị B và anh L có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và Gia đình. Do đó, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Dương Thị B và anh Dương Văn L là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về con chung: Chị B và anh L đều xác định có 02 con là: Dương Văn Q, sinh năm 1991 và Dương Thị Q, sinh năm 1996. Hiện nay đã trưởng thành từ đủ 18 tuổi trở lên và không yêu cầu gì, nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị B đề nghị tự thỏa thuận và chưa yêu cầu giải quyết, còn anh L không đề nghị gì, nên không xem xét.

- Về nợ chung: Chị B và anh L đều xác định không có.

[3] Về án phí: Chị Dương Thị B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 24; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Dương Thị B và anh Dương Văn L.

2. Về con chung: Dương Văn Q, sinh năm 1991 và Dương Thị Q, sinh năm 1996. Hiện nay đều đã trưởng thành từ đủ 18 tuổi trở lên và không có yêu cầu gì, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị B và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Buộc chị Dương Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002839 ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

6. Thông báo về quyền kháng cáo: Có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên bản án. Vắng mặt bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện P;
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã U;
- Lưu HS, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Sái Đức Trung**

